TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2024**/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà **Phạm Thị Em**
2- Ông **Nguyễn Tống Nê**

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Đình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà **Võ Thị Huỳnh Nhung** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62 /2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Tô Thị Tuyết M, sinh năm 1994
Địa chỉ: ấp Mỹ Hòa, xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam
2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1990
Địa chỉ: số C ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Chị M có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt; Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị M có yêu giải quyết vụ án vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện, bản tự khai, chị T trình bày yêu cầu như sau:

Chị và anh Huỳnh Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam vào năm 2015. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên ăn nhậu, về đánh vợ con, anh và chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến

nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Huỳnh Thị Mai T1, sinh ngày 04/11/2015 hiện đang sống chung với mẹ. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Tô Thị Tuyết M được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.Về con chung: Giao cháu cháu Huỳnh Thị Mai T1, sinh ngày 04/11/2015 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H và chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, cấp dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con anh H và chị M có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật HN&GĐ. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.2] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Anh H có nơi cứ trú tại số nhà C, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị M có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt; Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; Do đó

căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M, anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị M anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/7/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại các buổi hòa giải cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm với chị M. Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2024 ông Trần Văn X (cha dượng anh H) cho biết:.. *anh H là con ruột của bà T, ông là cha dượng. Hiện nay H đi làm ăn xa, chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng anh H vẫn về địa phương ở địa chỉ ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre để thăm nhà. Gia đình và ông vẫn liên lạc với anh H bình thường qua điện thoại. Anh H có vợ là chị Tô Thị Tuyết M. Tôi nghe nói hai vợ chồng lục đục, không chung sống khoảng hơn 01 năm nay, hiện M làm gì, ở đâu ông không biết* .... Điều đó cho thấy hôn nhân giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn như lời trình bày của chị M. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn xin được ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung là cháu Huỳnh Thị Mai T1, sinh ngày 04/11/2015 hiện đang sống chung với mẹ. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu T1 hiện vẫn đang sống với mẹ và vẫn được chị M chăm sóc tốt. Tại đơn xác nhận ghi nhận ý kiến con ngày 14/6/2024 do UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xác nhận thể hiện cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh H đã được Tòa án thông báo về việc chị M yêu cầu ly hôn và nuôi con nhưng anh không có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu của chị M, điều đó chứng tỏ anh đã mặc nhiên chấp nhận cho chị M nuôi con chung

Từ những phân tích trên, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về vật chất và tinh thần cho con chung nên việc giao cháu Huỳnh Thị Mai T1 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật HN&GĐ. Ghi nhận chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Nợ chung: Chị M, anh H khai không có.

[2.5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng chị M phải nộp.

[3] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng đn sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Tô Thị Tuyết M được ly hôn anh Huỳnh Văn H. Ghi nhận chị M không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của chị M, anh H chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Mai T1, sinh ngày 04/11/2015 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận việc chị M tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị M trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M khai không có nên Tòa án không xét đến.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Tô Thị Tuyết M phải nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0000265 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Thành;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
-UBND xã Đại Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết